Người ký: Cục Hàng hải Việt Nam
Email: cuchhvn@vinamarine.gov.vn
Cơ quan: Bộ Giao thông Vận tải
Thời gian ký: 03.01.2017 09:24:01 +07:00

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM

Số: 2023 /QĐ-CHHVN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Công bố ranh giới khu nước, vùng nước và vùng nước trước cầu cảng thuộc cảng biển Nghệ An

CỤC TRƯỞNG CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM

Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 21/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ về quản lý cảng biển và luồng hàng hải;

Căn cứ Thông tư số 26/2016/TT-BGTVT ngày 11 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải công bố vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Nghệ An và khu vực quản lý của Cảng vụ hàng hải Nghệ An;

Căn cứ Quyết định số 1155/QĐ-BGTVT ngày 03 tháng 04 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Hàng hải Việt Nam;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Pháp chế và Giám đốc Cảng vụ Hàng hải Nghệ An.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

1. Công bố ranh giới khu nước, vùng nước và vùng nước trước cầu cảng thuộc cảng biển Nghệ An, chi tiết tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này.

2. Tọa độ các điểm quy định tại Phụ lục I của Quyết định này được áp dụng theo Hệ tọa độ VN-2000 và được chuyển đổi sang Hệ tọa độ WGS-84 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2.

Cảng vụ hàng hải Nghệ An có trách nhiệm:

1. Quản lý nhà nước chuyên ngành đối với hoạt động hàng hải tại khu nước, vùng nước và vùng nước trước cầu cảng quy định tại Điều 1 của Quyết định này và được thu các khoản phí, lệ phí theo quy định của pháp luật.

2. Căn cứ điều kiện khai thác, điều kiện khí tượng thủy văn, mớn nước, trọng tải của tàu thuyền và tính chất hàng hóa để cho phép tàu thuyền vào, rời, neo đậu, làm hàng, chuyển tải, kiểm dịch, đón trả hoa tiêu và thực hiện các dịch vụ hàng hải khác bảo đảm an toàn hàng hải, an ninh hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường.

Điều 3. Các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành, tổ chức hoa tiêu hàng hải và cơ quan, tổ chức liên quan căn cứ quy định của Quyết định này, quy định của pháp luật có liên quan để tổ chức thực hiện các hoạt động nghiệp vụ tại các khu nước, vùng nước, vùng nước trước cầu cảng nêu trên.

Điều 4.

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, Trưởng các Phòng liên quan của Cục Hàng hải Việt Nam, Giám đốc Cảng vụ hàng hải Nghệ An, Giám đốc Cảng vụ hàng hải Thanh Hóa, Giám đốc Cảng vụ hàng hải Hà Tĩnh,Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 4;
- Cục trưởng (để b/c);
- Cục Đường thủy nội địa Việt Nam;
- Sở GTVT tỉnh Thanh Hóa;
- Sở GTVT tỉnh Nghệ An;
- Sở GTVT tỉnh Hà Tĩnh;
- Lưu VT, PC (3b).

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM

Bùi Thiên Thu

Phụ lục I

VÙNG ĐÓN TRẢ HOA TIÊU, VÙNG KIỂM DỊCH, KHU NEO ĐẬU, KHU CHUYỂN TẢI VÀ VÙNG NƯỚC TRƯỚC CẦU CẢNG THUỘC CẢNG BIỂN NGHỆ AN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2023 /QĐ-CHHVN ngày 30 /12 /2016 của Cục Hàng hải Việt Nam)

STT	Khu nước, vùng nước	Ranh giới, vị trí	Chức năng	Ghi chú
1	**VÙNG NƯỚC CẢNG BIỂN NGHỆ AN TẠI KHU VỰC CỬA LÒ – BẾN THỦY**			
1.1	Vùng đón trả hoa tiêu, kiểm dịch Cửa Hội-Bến Thủy	Vùng nước được giới hạn bởi đường tròn có bán kính 0,75 hải lý, với tâm tại vị trí CHBT-PS có tọa độ: 18°47'12"N, 105°47'00"E.	Cho tàu thuyền Việt Nam và nước ngoài có mớn nước, trọng tải phù hợp thực hiện dịch vụ hoa tiêu hàng hải để vào, rời khu neo đậu, chuyển tải, thực hiện việc kiểm dịch khi nhập cảnh, xuất cảnh thuộc vùng nước cảng biển Nghệ An khu vực Cửa Hội-Bến Thủy.	
1.2	Vùng đón trả hoa tiêu, kiểm dịch và khu neo đậu, chuyển tải Hòn Ngư tại Cửa Lò	Vùng nước được giới hạn bởi đường tròn có bán kính 0,5 hải lý, với tâm tại vị trí CL-PS1 có tọa độ: 18°48'30"N, 105°45'12"E.	Cho tàu thuyền Việt Nam và nước ngoài có mớn nước, trọng tải phù hợp thực hiện dịch vụ hoa tiêu hàng hải để vào, rời khu neo đậu, chuyển tải, thực hiện việc kiểm dịch khi nhập cảnh, xuất cảnh và neo đậu, chuyển tải thuộc vùng nước cảng biển Nghệ An khu vực Cửa Lò.	
1.3	Vùng nước trước cầu cảng, vùng quay trở và bến phao			
1.3.1	Vùng nước trước các cầu cảng số 1, 2 thuộc bến cảng Cửa Lò	Vùng nước được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối lần lượt các điểm có tọa độ sau đây: CL1: 18°49'45,91''N, 105°42'12,41''E;		

		CL2: 18°49'47,71''N, 105°42'12,41''E; CL3: 18°49'47,5''N, 105°42'24,9''E; CL4: 18°49'45,7''N, 105°42'24,9''E.		
1.3.2	Vùng nước trước các cầu cảng số 3, 4 thuộc bến cảng Cửa Lò	Vùng nước được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối lần lượt các điểm có tọa độ sau đây: CL5: 18°49'46,6''N, 105°42'25,5''E; CL6: 18°49'48,1''N, 105°42'24,6''E; CL7: 18°49'54,9''N, 105°42'36,9''E; CL8: 18°49'53,3''N, 105°42'37,9''E.		
1.3.3	Vùng quay trở trước bến cảng Cửa Lò	Vùng nước được giới hạn bởi đường tròn đường kính 187m với tâm tại vị trí QTCL1 có tọa độ sau: 18°49'49,8''N, 105°42'22,7''E.	Cho tàu thuyền Việt Nam và nước ngoài có mớn nước, trọng tải, chiều dài phù hợp quay trở khi vào, rời cầu cảng	
1.3.4	Bến phao xăng dầu Nghi Hương	- Vùng nước đậu tàu được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối lần lượt các điểm có tọa độ sau đây: NH1: 18°48'23,4''N, 105°44'28,4''E; NH2: 18°48'27,5''N, 105°44'34,2''E; NH3: 18°48'25,3''N, 105°44'35,9''E; NH4: 18°48'21,2''N, 105°44'30,1''E. - Vùng quay trở trước bến được giới hạn bởi đường tròn đường kính 140m với tâm tại vị trí QTNH có tọa độ sau: 18°48'29,2''N, 105°44'28,4''E.		

1.3.5	Vùng nước trước cầu cảng 400 DWT thuộc bến cảng của Tổng Cty BĐATHH Miền Bắc	Vùng nước được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối lần lượt các điểm có tọa độ sau đây: BĐ1: 18°45'47,2''N, 105°45'17,3''E; BĐ2: 18°45'48,7''N, 105°45'19,2''E; BĐ3: 18°45'47,9''N, 105°45'19,9''E; BĐ4: 18°45'46,3''N, 105°45'18,1''E.		
1.3.6	Vùng nước trước cầu cảng thuộc bến cảng xăng dầu Hưng Hòa	Vùng nước được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối lần lượt các điểm có tọa độ sau đây: HH1: 18°40'14,4''N, 105°42'57,5''E; HH2: 18°40'15,9''N, 105°43'00,9''E; HH3: 18°40'15,5''N, 105°43'02,0''E; HH4: 18°40'13,3''N, 105°42'57,1''E.		
1.3.7	Vùng nước trước các cầu cảng số 1, 2 ,3 ,6 thuộc bến cảng Bến Thủy	Vùng nước được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối lần lượt các điểm có tọa độ sau đây: BT1:18°39'40,2''N, 105°42'30,0''E; BT2:18°39'26,1''N, 105°42'25,8''E; BT3:18°39'39,5''N, 107°42'31,6''E; BT4:18°39'25,3''N, 105°42'27,3''E.		

Chú ý:

Tọa độ các điểm quy định tại Phụ lục I này được áp dụng theo Hệ tọa độ VN-2000 và được chuyển đổi sang các hệ tọa độ khác tại Phụ lục II.

Phụ lục II

BẢNG CHUYỂN ĐỔI HỆ TỌA ĐỘ CÁC ĐIỂM

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2023 /QĐ-CHHVN ngày 30 / 12 /2016 của Cục Hàng hải Việt Nam)

Điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
1. Vùng nước cảng biển Nghệ An khu vực Cửa Lò- Bến Thủy				
1.1 CHBT- PS	18°47'12"	105°47'00"	18°47'08.4"	105°47'06.7"
1.2 CL-PS1	18°48'30"	105°45'12"	18°48'26.3"	105°45'19.2"
1.3 Vùng nước trước cầu cảng, vùng quay trở và bến phao				
1.3.1 Vùng nước trước các cầu cảng số 1, 2 thuộc bến cảng Cửa Lò	18°49'45,91"	105°42'12,41"	18°49'42,33"	105°42'19,1"
	18°49'47,71"	105°42'12,41"	18°49'44,13"	105°42'19,1"
	18°49'47,5"	105°42'24,9"	18°49'43,9"	105°42'31,6"
	18°49'45,7"	105°42'24,9"	18°49'42,1"	105°42'31,6"
1.3.2 Vùng nước trước các cầu cảng số 3, 4 thuộc bến cảng Cửa Lò	18°49'46,6"	105°42'25,5"	18°49'43,0"	105°42'32,3"
	18°49'48,1"	105°42'24,6"	18°49'44,5"	105°42'31,3"
	18°49'54,9"	105°42'36,9"	18°49'51,3"	105°42'43,6"
	18°49'53,3"	105°42'37,9"	18°49'49,8"	105°42'44,6"
1.3.3 Vùng quay trở trước bến cảng Cửa Lò	18°49'49,8"	105°42'22,7"	18°49'46,2"	105°42'29,4"
1.3.4 Bến phao xăng dầu Nghi Hương	18°48'23,4"	105°44'28,4"	18°48'19,8"	105°44'35,1"
	18°48'27,5"	105°44'34,2"	18°48'23,9"	105°44'40,9"
	18°48'25,3"	105°44'35,9"	18°48'21,7"	105°44'42,7"
	18°48'21,2"	105°44'30,1"	18°48'17,6"	105°44'36,8"
	18°48'29,2"	105°44'28,4"	18°48'25,6"	105°44'35,1"
1.3.5 Vùng nước trước cầu cảng 400 DWT thuộc bến cảng của Tổng Cty BĐATHH Miền Bắc	18°45'47,2"	105°45'17,3"	18°45'43,6"	105°45'24,0"
	18°45'48,7"	105°45'19,2"	18°45'45,1"	105°45'25,9"
	18°45'47,9"	105°45'19,9"	18°45'44,3"	105°45'26,7"
	18°45'46,3"	105°45'18,1"	18°45'42,8"	105°45'24,8"

1.3.6 Vùng nước trước cầu cảng thuộc bến cảng xăng dầu Hưng Hòa	18°40'14,4"	105°42'57,5"	18°40'10,8"	105°43'04,2"
	18°40'15,9"	105°43'00,9"	18°40'12,3"	105°43'07,6"
	18°40'15,5"	105°43'02,0"	18°40'11,9"	105°43'08,7"
	18°40'13,3"	105°42'57,1"	18°40'09,7"	105°43'03,8"
1.3.7 Vùng nước trước các cầu cảng số 1, 2, 3, 6 thuộc bến cảng Bến Thủy	18°39'40,2"	105°42'30,0"	18°39'36,6"	105°42'36,7"
	18°39'26,1"	105°42'25,8"	18°39'22,5"	105°42'32,5"
	18°39'39,5"	105°42'31,6"	18°39'35,9"	105°42'38,3"
	18°39'25,3"	105°42'27,3"	18°39'21,7"	105°42'34,0"